

Số: 209 /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 18 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN
TẠI CHUNG CƯ SUNRISE CITY - NORTH TOWERS, PHƯỜNG TÂN HƯNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: Theo danh sách đính kèm 18 hồ sơ.

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: ngày 9 tháng 7 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: Theo danh sách đính kèm 18 hồ sơ.

2.1. Tên:

2.2. Địa chỉ:

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số: 134; Tờ bản đồ số: 72,73 thuộc phường Tân Hưng, Quận 7.

Nay là Thửa đất số: 134; Tờ bản đồ số: 72, 73, phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh.

3.1.2. Địa chỉ tại: 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.1.3. Giá đất

- Giá đất theo bảng giá: 86.000.000 đồng/m² (đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ cầu Kênh tẻ đến bờ sông Rạch Đĩa. Vị trí khu đất: vị trí 1).

- Giá đất cụ thể: m²
- Giá trúng đấu giá: m²
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:
- 3.1.4. Diện tích thửa đất: 12597,0m²
- Diện tích sử dụng chung: 12597,0m²
- Diện tích sử dụng riêng: m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích đất trong hạn mức: m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²
- 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- 3.1.6. Mục đích sử dụng đất:
- Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:
- 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:
 - Ổn định lâu dài ☒
 - Có thời hạn:năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....
 - Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....
- 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....
- 3.1.9. Hình thức sử dụng đất:
- 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT00006 ngày 15 tháng 01 năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: Theo danh sách đính kèm 18 hồ sơ

- 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 3.2.2. Diện tích xây dựng: m²
- 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m² /diện tích sử dụng: m²
- 3.2.4. Diện tích sở hữu chung/riêng: m²
- 3.2.5. Số tầng: 34 tầng + 01 hầm.
- Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT
- 3.2.6. Nguồn gốc:
- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: năm 2016.
- 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 18 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Hợp đồng mua bán căn hộ; Văn bản chuyển nhượng.
- Biên bản bàn giao nhà.
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tin);
- Công ty CPĐT Đo Nova;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 290/2025 *ngl*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓

[Signature]
Lê Thành Phương

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 18 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
Chung cư kết hợp thương mại, văn phòng Lô X, số 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
(Đính kèm Phiếu chuyển số.....209../PCTT-VPĐK-ĐK ngày ..12../.....7/2025 của Văn phòng ĐKĐĐ TP)

Stt	Số Biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo HDMB	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Sổ nhà	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sử dụng (m2)
1	792747512025000290	Ông TRƯƠNG CÔNG CƯỜNG Ngày sinh: 30/11/1969; CCCD: 064069003752 Bà NGUYỄN THỊ BÉ Ngày sinh: 01/01/1976; CCCD: 064176008704	X-03.39	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 3.39	49	45,9
2	792747512025000291	Bà NGUYỄN NGỌC ÁNH Ngày sinh: 09/10/1967; Căn cước: 001168015865	X-04.26	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.26	32,8	30
3	792747512025000292	Bà LÊ THỊ THU DUNG Ngày sinh: 18/09/1967; CCCD: 079167019630	X-04.41	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.41	52	46,9
4	792747512025000293	Bà NGÔ LỆ NGÀ Ngày sinh: 17/09/1979; CCCD: 079179022954	X-04.51	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.51	45,4	42,5
5	792747512025000294	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ JUST-IN-TIME SOLUTIONS GCN ĐKDN Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0311745647 cấp lần đầu ngày 24/04/2012 Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/06/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.07	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.07	60,4	56,3
6	792747512025000295	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NÔNG SẢN ĐK GCN ĐKDN Công ty TNHH một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 1101732668 cấp lần đầu ngày 27/12/2013 Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/04/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.70	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.70	26,5	23,2
7	792747512025000296	Bà ĐÀO NGUYỄN DIỄM MY Ngày sinh: 23/06/1985; CC số: 079185037525	X-04.66	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.66	34,7	30,5
8	792747512025000297	CÔNG TY TNHH BẢO HỘ LAO ĐỘNG AN AN GCN ĐKDN Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0305419772 cấp lần đầu ngày 18/12/2007 Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/04/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.84	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.84	25,9	23,1
9	792747512025000298	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ JUST-IN-TIME SOLUTIONS GCN ĐKDN Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0311745647 cấp lần đầu ngày 24/04/2012 Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/06/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-03.80.81.82	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 3.80 - 3.81 - 3.82	96	90,2
10	792747512025000299	Bà NGÔ LỆ NGÀ Ngày sinh: 17/09/1979; CCCD: 079179022954	X-04.50	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.50	42,3	41,7
11	792747512025000300	Bà TRẦN THỊ LIỄU Ngày sinh: 11/07/1987; CCCD: 031187023281	X-03.28	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 3.28	35,2	29,6
12	792747512025000301	Bà ĐÀO NGUYỄN DIỄM MY Ngày sinh: 23/06/1985; Căn cước: 079185037525	X-04.65	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.65	39	35,5
13	792747512025000302	Bà ĐÀO NGUYỄN DIỄM MY Ngày sinh: 23/06/1985; Căn cước: 079185037525	X-04.67	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.67	29,2	26,2
14	792747512025000303	Ông TẠ QUANG PHONG Ngày sinh: 04/08/1970; CCCD: 001070010525 Bà LÊ THANH THÚY Ngày sinh: 17/02/1969; CCCD: 079169003386	X-03.11	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 3.11	45,7	42,4

Stt	Số Biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo HĐMB	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sử dụng (m2)
15	792747512025000304	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ ANH DUY GCN ĐKDN Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0312215970 cấp lần đầu ngày 03/04/2013 Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/01/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.25	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.25	32,8	29,5
16	792747512025000305	CÔNG TY TNHH BẢO HỘ LAO ĐỘNG AN AN GCN ĐKDN Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 0305419772 cấp lần đầu ngày 18/12/2007 Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/04/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.85	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.85	25,9	21,8
17	792747512025000306	Bà NGUYỄN THỊ HÀ Ngày sinh: 18/06/1976; CCCD: 056176003920	X-04.81	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.81	31,4	28,8
18	792747512025000307	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG SỔ AN TOÀN GCN ĐKDN Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0310151055 cấp lần đầu ngày 06/07/2010 Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/04/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	X-04.76	Văn phòng có nhân viên lưu trú số 4.76	39,6	34,7

THL